

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM MÁY

BỘ CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM**HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG - 3 TC****CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC**

STT	Nội dung
1	<p>Xác định tiền đề dẫn đến sự xuất hiện của Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin?</p> <p>A. Xuất hiện chế độ công hữu và có sự phân công lao động giữa các thành viên trong xã hội</p> <p>B. Xuất hiện chế độ tư hữu và có sự phân công lao động giữa các thành viên trong xã hội</p> <p>C. Xuất hiện chế độ tư hữu và phân chia giai cấp mà mâu thuẫn giai cấp đối kháng không thể điều hòa được</p> <p>D. Xuất hiện chế độ công hữu và phân chia giai cấp mà mâu thuẫn giai cấp đối kháng không thể điều hòa được</p>
2	<p>Xác định Chế độ chính trị được hiểu như thế nào?</p> <p>A. Là tổng thể các phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước</p> <p>B. Là tất cả các thiết chế chính trị trong xã hội</p> <p>C. Là toàn bộ đường lối, chính sách mà Đảng chính trị cầm quyền đề ra</p> <p>D. Là đường lối, chính sách của Đảng đã được nhà nước thể chế hóa thành pháp luật</p>
3	<p>Chọn lựa đáp án: Nhà nước đều có chức năng nào dưới đây?</p> <p>A. Bảo đảm trật tự an toàn xã hội</p> <p>B. Tổ chức và quản lý nền kinh tế</p> <p>C. Đối nội và đối ngoại</p> <p>D. Thiết lập mối quan hệ ngoại giao</p>
4	<p>Xác định Bản chất chung của nhà nước gồm bản chất nào?</p> <p>A. Tính giai cấp và tính xã hội</p>

STT	Nội dung
	<p>B. Tính giai cấp và tính quốc tế</p> <p>C. Tính xã hội và tính dân tộc</p> <p>D. Tính nhân dân và tính dân tộc</p>
5	<p>Chọn lựa từ còn thiếu vào chỗ trống: Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của....., chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích của giai cấp thống trị?</p> <p>A. Quyền lực tự nhiên</p> <p>B. Quyền lực chính trị</p> <p>C. Quyền lực xã hội</p> <p>D. Quyền lực cộng đồng</p>
6	<p>Chọn lựa từ còn thiếu vào chỗ trống: Chức năng của nhà nước là những..., hoạt động chủ yếu, cơ bản của Nhà nước?</p> <p>A. phương diện</p> <p>B. nhiệm vụ</p> <p>C. yêu cầu</p> <p>D. đặc điểm</p>
7	<p>Làm rõ hình thái kinh tế - xã hội nào dưới đây chưa có Nhà nước?</p> <p>A. Hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa</p> <p>B. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy</p> <p>C. Hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ</p> <p>D. Hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa</p>
8	<p>Xem xét yếu tố nào dưới đây là đặc trưng của Nhà nước?</p> <p>A. Phân chia và quản lý dân cư theo huyết thống</p> <p>B. Thiết lập quyền lực công gắn liền với xã hội</p> <p>C. Phân phối bình đẳng của cải làm ra</p> <p>D. Tiến hành thu các loại thuế</p>
9	<p>Làm rõ Hình thức của Nhà nước được thể hiện ở những mặt nào dưới đây?</p> <p>A. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ kinh tế – xã hội</p> <p>B. Hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị</p> <p>C. Hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ kinh tế – xã hội</p>

STT	Nội dung
	D. Những hình thức hoạt động chủ yếu của nhà nước
10	<p>Làm rõ Hình thức chính thể quân chủ chuyên chế được hiểu như thế nào?</p> <p>A. Toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào tay một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng</p> <p>B. Bên cạnh nhà vua (nữ hoàng) có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của nhà vua (nữ hoàng)</p> <p>C. Quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử phổ thông</p> <p>D. Quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử nhưng chỉ tầng lớp quý tộc mới được tham gia bầu cử.</p>
11	<p>Trình bày về Hình thức chính thể quân chủ hạn chế được hiểu như thế nào?</p> <p>A. Toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào tay một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng</p> <p>B. Bên cạnh nhà vua (nữ hoàng) có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của nhà vua (nữ hoàng)</p> <p>C. Quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử phổ thông</p> <p>D. Quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử nhưng chỉ tầng lớp quý tộc mới được tham gia bầu cử.</p>
12	<p>Trình bày về Hình thức chính thể cộng hòa dân chủ được hiểu như thế nào?</p> <p>A. Toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào tay một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng</p> <p>B. Bên cạnh nhà vua (nữ hoàng) có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của nhà vua (nữ hoàng)</p> <p>C. Quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử phổ thông</p> <p>D. Quyền lực nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử nhưng chỉ tầng lớp quý tộc mới được tham gia bầu cử.</p>
13	Chỉ ra khẳng định nào dưới đây là đúng?

STT	Nội dung
	<p>A. Hình thức chính thể cộng hòa quý tộc là toàn bộ quyền lực nhà nước tập trung vào tay một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng</p> <p>B. Trong hình thức chính thể cộng hòa quý tộc, bên cạnh nhà vua (nữ hoàng) có một cơ quan được thành lập theo quy định của Hiến pháp để hạn chế quyền lực của nhà vua (nữ hoàng)</p> <p>C. Quyền lực nhà nước trong chính thể cộng hòa quý tộc được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử phổ thông</p> <p>D. Quyền lực nhà nước trong chính thể cộng hòa quý tộc được trao cho một cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử nhưng chỉ tầng lớp quý tộc mới được tham gia bầu cử.</p>
14	<p>Làm rõ Hình thức cấu trúc nhà nước liên bang có đặc điểm nào dưới đây?</p> <p>A. Có một hệ thống cơ quan nhà nước và hai hệ thống pháp luật</p> <p>B. Có hai hệ thống cơ quan nhà nước và hai hệ thống pháp luật</p> <p>C. Có một hệ thống cơ quan nhà nước và một hệ thống pháp luật</p> <p>D. Có hai hệ thống cơ quan nhà nước và một hệ thống pháp luật</p>
15	<p>Làm rõ Chức năng của nhà nước nhằm làm gì?</p> <p>A. Duy trì đường lối của Đảng</p> <p>B. Đảm bảo thực hiện những mục đích của nhà nước</p> <p>C. Thực hiện chính sách của nhà nước</p> <p>D. Thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước nhà nước</p>
16	<p>Làm rõ Quyền lực trong xã hội Cộng sản nguyên thủy có đặc điểm nào?</p> <p>A. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.</p> <p>B. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho Hội đồng thị tộc, tù trưởng</p> <p>C. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.</p> <p>D. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của Hội đồng thị tộc, tù trưởng.</p>
17	<p>Vận dụng kiến thức đã học lựa chọn: Nhà nước nào dưới đây là nhà nước liên bang?</p> <p>A. Việt Nam</p> <p>B. Trung Quốc</p> <p>C. Pháp</p>

STT	Nội dung
	D. Ấn Độ
18	Vận dụng kiến thức đã học lựa chọn: Nhà nước nào dưới đây là nhà nước đơn nhất? A. Đức B. Australia C. Singapore D. Nga
19	Vận dụng kiến thức đã học lựa chọn: Nhà nước nào dưới đây có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang? A. Việt Nam B. Thái Lan C. Campuchia D. Mianma
20	Phân loại Chức năng nào sau đây thuộc về chức năng đối ngoại của nhà nước xã hội chủ nghĩa? A. Tổ chức và quản lý kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ B. Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. C. Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm khả năng quốc phòng, đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược. D. Bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa
21	Phân biệt Tổ chức nào dưới đây có quyền lực công? A. Tổ chức phi chính phủ B. Tổng công ty C. Hội nông dân D. Nhà nước
22	Chỉ ra Sự thống trị của nhà nước được thể hiện ở các mặt nào sau đây? A. Quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế, quyền lực xã hội B. Quyền lực nhà nước, quyền lực tự nhiên, quyền lực xã hội C. Quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị, quyền lực xã hội D. Quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế, quyền lực tư tưởng
23	Suy luận khẳng định nào dưới đây là đúng?

STT	Nội dung
	<p>A. Nhà nước khác biệt so với các tổ chức khác vì nhà nước phân chia và quản lý dân cư theo huyết thống</p> <p>B. Nhà nước khác biệt so với các tổ chức khác vì nhà nước phân chia và quản lý dân cư theo dân tộc</p> <p>C. Nhà nước khác biệt so với các tổ chức khác vì nhà nước thiết lập một quyền lực công gắn liền với xã hội</p> <p>D. Nhà nước khác biệt so với các tổ chức khác vì nhà nước thiết lập một quyền lực công đặc biệt không hòa nhập với xã hội</p>
24	<p>Chỉ ra còn thiếu vào chỗ trống: Sự xuất hiện của nhà nước....chủ yếu dựa trên sự phân hóa nội bộ xã hội thị tộc và mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được?</p> <p>A. Nhà nước Giéc-manh</p> <p>B. Nhà nước Rô-ma</p> <p>C. Nhà nước A-ten</p> <p>D. Nhà nước phương đông</p>
25	<p>Chỉ ra còn thiếu vào chỗ trống: Trong hình thức chính thể, nhà nước không có hiến pháp?</p> <p>A. Quân chủ chuyên chế</p> <p>B. Quân chủ lập hiến</p> <p>C. Cộng hòa quý tộc</p> <p>D. Cộng hòa dân chủ</p>

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

STT	Nội dung
1	<p>Chỉ ra khẳng định nào dưới đây là Đúng?</p> <p>A. Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự riêng do nhà nước ban hành</p> <p>B. Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành</p> <p>C. Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự riêng do nhà nước và tổ chức xã hội ban hành</p> <p>D. Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự chung do nhà nước và tổ chức xã hội ban hành</p>
2	<p>Xác định Bản chất của pháp luật gồm những bản chất nào?</p> <p>A. Tính giai cấp, tính xã hội, tính dân tộc và tính mở</p> <p>B. Tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính mở</p> <p>C. Tính giai cấp, tính dân chủ, tính dân tộc và tính mở</p> <p>D. Tính xã hội, tính nhân dân, tính dân tộc và tính mở</p>
3	<p>Xác định Pháp luật có những chức năng gì?</p> <p>A. Chỉ có chức năng điều chỉnh</p> <p>B. Chỉ có chức năng giáo dục</p> <p>C. Chỉ có chức năng phản ánh</p> <p>D. Có cả chức năng điều chỉnh, giáo dục và bảo vệ.</p>
4	<p>Tuồng thuật lại Trong lịch sử đã xuất hiện những kiểu pháp luật nào dưới đây?</p> <p>A. Pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến, pháp luật tư sản, pháp luật xã hội chủ nghĩa</p> <p>B. Pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến và pháp luật tư sản</p> <p>C. Pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến</p> <p>D. Pháp luật cộng sản nguyên thủy</p>
5	<p>Chọn lựa từ còn thiếu điền vào chỗ trống: Kiểu pháp luật là tổng thể các dấu hiệu đặc trưng cơ bản của pháp luật, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại, phát triển của pháp luật trong một...nhất định.</p> <p>A. nhà nước</p> <p>B. giai đoạn lịch sử</p> <p>C. chế độ xã hội</p> <p>D. hình thái kinh tế – xã hội</p>
6	<p>Xem xét khẳng định nào dưới đây là Sai?</p>

STT	Nội dung
	<p>A. Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp</p> <p>B. Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị</p> <p>C. Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ hệ thống pháp luật ghi nhận cách thức xử sự của giai cấp thống trị.</p> <p>D. Tính giai cấp của pháp luật thể hiện ở chỗ pháp luật là công cụ để điều chỉnh mối quan hệ giữa các giai cấp</p>
7	<p>Làm rõ Bản chất xã hội của pháp luật được phản ánh thông qua yếu tố nào sau đây?</p> <p>A. Thể hiện ý chí và lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội</p> <p>B. Ghi nhận cách xử sự hợp lý được số đông trong xã hội chấp nhận</p> <p>C. Thể hiện được những phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc</p> <p>D. Tiếp thu được những thành tựu, tinh hoa văn hóa pháp lý trên thế giới</p>
8	<p>Làm rõ Pháp luật xuất hiện là do yếu tố nào dưới đây?</p> <p>A. Xuất phát từ ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội</p> <p>B. Nhà nước tự đặt ra</p> <p>C. Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận</p> <p>D. Xuất phát từ những phong tục, tập quán, tín điều tôn giáo trong xã hội</p>
9	<p>Chỉ ra từ còn thiếu điền vào chỗ trống: Xuất phát từ ...của pháp luật cho nên bất cứ nhà nước nào cũng dùng pháp luật làm phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội.</p> <p>A. Tính cưỡng chế</p> <p>B. Tính quy phạm</p> <p>C. Tính xác định</p> <p>D. Những thuộc tính cơ bản</p>
10	<p>Chứng tỏ Pháp luật có chức năng nào dưới đây?</p> <p>A. Là phương tiện chủ yếu để quản lý mọi mặt đời sống xã hội</p> <p>B. Điều chỉnh và bảo vệ các quan hệ xã hội chủ yếu</p> <p>C. Là cơ sở để hoàn thiện bộ máy nhà nước</p> <p>D. Cả ba đáp án trên đều đúng</p>
11	<p>Làm rõ tính cưỡng chế của pháp luật được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?</p>

STT	Nội dung
	<p>A. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử phạt hành chính</p> <p>B. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng hình phạt</p> <p>C. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý kỷ luật</p> <p>D. Những hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài</p>
12	<p>Chỉ ra kiểu pháp luật phong kiến thể hiện ý chí của giai cấp nào dưới đây?</p> <p>A. Giai cấp địa chủ</p> <p>B. Giai cấp thống trị</p> <p>C. Giai cấp phong kiến</p> <p>D. Cả ba câu trên đều đúng</p>
13	<p>Hãy chứng tỏ pháp luật là phương tiện để làm gì?</p> <p>A. Bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân</p> <p>B. Nhà nước sử dụng làm công cụ chủ yếu quản lý mọi mặt đời sống xã hội</p> <p>C. Hoàn thiện bộ máy nhà nước và tạo lập mối quan hệ ngoại giao</p> <p>D. Cả a đáp án trên đều đúng</p>
14	<p>Xem xét đáp án nào dưới đây thể hiện thuộc tính của pháp luật?</p> <p>A. Tính chính xác</p> <p>B. Tính quy phạm phổ biến</p> <p>C. Tính minh bạch</p> <p>D. Tính bắt buộc</p>
15	<p>Khi nghiên cứu về bản chất của pháp luật, chỉ ra khẳng định nào sau đây là sai?</p> <p>A. Pháp luật là ý chí giai cấp thống trị được đề lên thành luật</p> <p>B. Pháp luật bao giờ cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội</p> <p>C. Pháp luật là hiện tượng vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội</p> <p>D. Pháp luật vừa mang tính chủ quan lại vừa mang tính khách quan</p>
16	<p>Chọn những quy phạm xã hội dưới đây tồn tại trong chế độ cộng sản nguyên thủy?</p> <p>A. Đạo đức</p> <p>B. Tập quán</p> <p>C. Tín điều tôn giáo</p> <p>D. Cả ba đáp án trên đều đúng</p>

STT	Nội dung
17	<p>Chỉ ra từ còn thiếu điền vào chỗ trống: Pháp luật làđể Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội.</p> <p>A. phương tiện</p> <p>B. công cụ</p> <p>C. đối tượng</p> <p>D. định hướng</p>
18	<p>Chọn đáp án nào dưới đây thể hiện vai trò của pháp luật?</p> <p>A. Là phương tiện để nhân dân phục vụ lợi ích cho riêng mình</p> <p>B. Là phương tiện để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội</p> <p>C. Là công cụ để Nhà nước cưỡng chế đối với mọi người trong xã hội</p> <p>D. Là công cụ để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội</p>
19	<p>Chọn đáp án cho thấy Vai trò của pháp luật được thể hiện như thế nào?</p> <p>A. Là công cụ để nhà nước thực hiện sự cưỡng chế đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong xã hội</p> <p>B. Là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý xã hội</p> <p>C. Là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân</p> <p>D. Là công cụ để nhà nước thực hiện sự cưỡng chế đối với những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm</p>
20	<p>Khi nghiên cứu về các thuộc tính của pháp luật, chỉ ra khẳng định nào sau đây là sai?</p> <p>A. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài</p> <p>B. Việc tuân theo pháp luật thường phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người</p> <p>C. Pháp luật là thước đo cho hành vi xử sự của con người</p> <p>D. Pháp luật và đạo đức đều mang tính quy phạm</p>
21	<p>Khi nghiên cứu về chức năng của pháp luật, chỉ ra khẳng định nào sau đây là đúng?</p> <p>A. Pháp luật là công cụ bảo vệ tất cả các quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội</p> <p>B. Pháp luật điều chỉnh tất cả các mối quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội</p> <p>C. Pháp luật nghiêm cấm những hành vi xâm hại, làm ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh</p>

STT	Nội dung
	D. Cả ba đáp án trên đều đúng
22	<p>Khi nghiên cứu về kiểu pháp luật, chỉ ra khẳng định nào sau đây là đúng? (M3)</p> <p>A. Tương ứng với 5 hình thái kinh tế - xã hội, thì có 5 kiểu pháp luật</p> <p>B. Tương ứng với mỗi chế độ xã hội thì có một kiểu pháp luật</p> <p>C. Tương ứng với mỗi kiểu nhà nước thì có một kiểu pháp luật</p> <p>D. Tương ứng với mỗi hình thức nhà nước thì có một kiểu pháp luật</p>
23	<p>Chỉ ra Điểm giống nhau của các kiểu pháp luật trong lịch sử?</p> <p>A. Tính đồng bộ</p> <p>B. Tính khách quan</p> <p>C. Ý chí của giai cấp thống trị</p> <p>D. Ý chí của nhân dân trong xã hội</p>
24	<p>Chỉ ra nhận định nào sau đây Sai khi nói về Án lệ? (M4)</p> <p>A. Án lệ là bản án</p> <p>B. Án lệ do cơ quan lập pháp ban hành</p> <p>C. Án lệ là phương thức làm luật của Thẩm phán</p> <p>D. Án lệ được áp dụng trong các lần xét xử tiếp theo</p>
25	<p>Phân tích hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất trong lịch sử loài người là hình thức nào dưới đây?</p> <p>A. Tiền lệ pháp</p> <p>B. Điều lệ pháp</p> <p>C. Tập quán pháp</p> <p>D. Văn bản quy phạm pháp luật</p>

CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VIỆT NAM

STT	Nội dung
1	Chỉ ra ý sai khi nói: Quy phạm pháp luật là “...” A. Quy tắc xử sự chung B. Có hiệu lực bắt buộc chung C. Được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần D. Quy tắc xử sự riêng
2	Viết tiếp câu sau: Phạm vi áp dụng của quy pháp pháp luật là A. Cả nước B. Theo đơn vị hành chính lãnh thổ C. Cả nước hoặc theo đơn vị hành chính lãnh thổ
3	Xác định cụm từ đúng để điền vào chỗ trống: Quy phạm pháp luật do “....” quy định trong Luật ban hành quy phạm pháp luật ban hành A. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền B. Do người có thẩm quyền C. Do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền D. Do các cơ quan Nhà nước
4	Quy phạm pháp luật thông thường, đầy đủ được cấu thành bởi các bộ phận nào? A. “quy định” và “chế tài” B. “giả định” và “chế tài” C. “giả định” và “quy định” D. “giả định” , “quy định” và “chế tài”
5	Chọn lựa đáp án đúng: Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc thể hiện ý chí của “...”? A. Nhà nước B. Tổ chức kinh tế C. Tổ chức xã hội D. Tổ chức chính trị- xã hội
6	Khẳng định nào dưới đây là sai khi nói về Văn bản quy phạm pháp luật A. Có chứa quy phạm pháp luật B. Được ban hành theo đúng thẩm quyền C. Được ban hành theo đúng hình thức, trình tự, thủ tục D. Không được ban hành theo đúng thẩm quyền
7	Cho ví dụ về Văn bản quy phạm pháp luật. A. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân B. Thông tư của Bộ Giáo dục –Đào tạo C. Nghị quyết của Quốc Hội D. Cả A, B và C
8	Chỉ ra sự khác biệt giữa Văn bản luật và Văn bản dưới luật A. Thẩm quyền ban hành B. Trình tự ban hành C. Hiệu lực D. Phạm vi áp dụng
9	Chỉ ra đâu là Văn bản quy phạm pháp luật: A. Điều lệ của Đoàn thanh niên

	B. Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty C. Nghị quyết của Quốc hội D. Điều lệ của Đảng
10	Chọn phương án đúng khi nói về thời điểm có hiệu lực của Văn bản QPPL A. Ngày ký B. Ngày ban hành C. Ngày thông qua D. Ngày ghi trong văn bản Quy phạm pháp luật
11	Lựa chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống trong câu: Luật giáo dục donào ban hành? A. Bộ Giáo dục, Đào tạo B. Ủy ban thường vụ Quốc hội C. Chính phủ D. Quốc hội
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền ban hành loại văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây? A. Luật giáo dục B. Thông tư C. Nghị định D. Nghị quyết
13	Xác định Văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây là loại văn bản luật? A. Bộ luật; B. Hiến pháp C. Nghị quyết của Quốc hội D. Cả A,B,C đều đúng
14	Lựa chọn loại Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là: A. Nghị định B. Chỉ thị C. Nghị quyết D. Thông tư
15	Chỉ ra Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất là: A. Hiến pháp B. Luật hình sự C. Luật dân sự D. Luật hiến pháp
16	Xác định cơ quan ban hành Văn bản luật A. Quốc Hội B. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định C. Ủy ban Thường vụ Quốc Hội D. Chính phủ

17	<p>Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống trong câu: là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành.</p> <p>A. Pháp lệnh B. Quyết định C. Văn bản dưới luật D. Văn bản luật</p>
18	<p>Chọn Văn bản quy phạm pháp luật do Quốc Hội ban hành.</p> <p>A. Hiến pháp B. Luật C. Bộ Luật D. Cả A, B, C</p>
19	<p>Lựa chọn Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Giáo dục ban hành.</p> <p>A. Luật giáo dục B. Thông tư C. Hiến pháp D. Nghị định</p>
20	<p>Chọn Văn bản quy phạm pháp luật nào là loại văn bản luật?</p> <p>A. Luật, bộ luật B. Hiến pháp C. Nghị quyết của Quốc hội D. Cả A, B, C đều đúng</p>
21	<p>Chọn Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là:</p> <p>A. Nghị định B. Chỉ thị C. Nghị quyết D. Thông tư</p>
22	<p>Chọn loại văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>A. Nghị định B. Thông tư C. Công văn D. Luật</p>
23	<p>Chọn Văn bản quy phạm pháp luật giá trị pháp lí cao nhất là:</p> <p>A. Hiến pháp B. Bộ Luật Hình sự C. Bộ Luật Dân sự D. Luật Hành chính</p>
24	<p>Chọn Cơ quan có thẩm quyền ban hành Văn bản luật</p> <p>A. Quốc Hội B. Cơ quan Nhà nước</p>

	C. Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành D. Chính Phủ
25	Lựa chọn cơ quan có thẩm quyền ban hành Luật giáo dục A. Quốc hội B. Bộ Giáo dục C. Chính phủ D. Ủy ban nhân dân
26	Xác định thẩm quyền ban hành Nghị định A. Quốc Hội B. Chính phủ C. Bộ quốc phòng D. Ủy ban thường vụ Quốc hội

CHƯƠNG 4: QUAN HỆ PHÁP LUẬT, THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ Ý THỨC PHÁP LUẬT

STT	Nội dung
1	Chỉ ra đâu không phải là yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật? A. Chủ thể B. Khách thể C. Nội dung D. Sự kiện pháp lý
2	Xác định năng lực chủ thể gồm những yếu tố nào dưới đây? A. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi B. Năng lực pháp luật và năng lực công dân C. Năng lực hành vi và năng lực nhận thức D. Năng lực pháp luật và năng lực nhận thức
3	Xác định nội dung của quan hệ pháp luật được hiểu là gì A. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật B. Các bên tham gia vào quan hệ pháp luật C. Những giá trị mà các chủ thể quan hệ pháp luật muốn đạt được D. Là đối tượng mà các chủ thể quan tâm khi tham gia vào quan hệ pháp luật
4	Sao chép từ còn thiếu vào chỗ trống: Chủ thể tham gia quan hệ pháp luật cần phải có năng lực.....? A. chủ thể

STT	Nội dung
	<p>B. pháp luật</p> <p>C. hành vi</p> <p>D. trách nhiệm pháp lý</p>
5	<p>Xác định khách thể của quan hệ pháp luật là gì?</p> <p>A. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật</p> <p>B. Các bên tham gia vào quan hệ pháp luật</p> <p>C. Những giá trị mà các chủ thể quan hệ pháp luật muốn đạt được</p> <p>D. Là đối tượng mà các chủ thể quan tâm khi tham gia vào quan hệ pháp luật</p>
6	<p>Xác định năng lực chủ thể của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu là gì?</p> <p>A. Khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó</p> <p>B. Khả năng của chủ thể được pháp luật quy định để được tham gia quan hệ pháp luật đó</p> <p>C. Khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó</p> <p>D. Cả ba nhận định trên đều sai</p>
7	<p>Xác định năng lực hành vi của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu là gì?</p> <p>A. Khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó</p> <p>B. Khả năng của chủ thể được pháp luật quy định để được tham gia quan hệ pháp luật đó</p> <p>C. Khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó</p> <p>D. Cả ba nhận định trên đều sai</p>
8	<p>Xác định năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu là gì?</p> <p>A. Khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó</p> <p>B. Khả năng của chủ thể được pháp luật quy định để được tham gia quan hệ pháp luật đó</p>

STT	Nội dung
	<p>C. Khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình để tham gia vào quan hệ pháp luật đó</p> <p>D. Cả ba nhận định trên đều sai</p>
9	<p>Làm rõ thực hiện pháp luật là gì?</p> <p>A. Hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật nhằm làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống.</p> <p>B. Hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật luôn có sự tham gia của nhà nước.</p> <p>C. Một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật.</p> <p>D. Quá trình nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật</p>
10	<p>Làm rõ tuân thủ pháp luật được hiểu là gì?</p> <p>A. Không làm những việc mà pháp luật cấm</p> <p>B. Thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định</p> <p>C. Thực hiện các quyền mà pháp luật quy định</p> <p>D. Cả ba hoạt động trên đều là tuân thủ pháp luật</p>
11	<p>Làm rõ chấp hành pháp luật được hiểu là gì?</p> <p>A. Không làm những việc mà pháp luật cấm</p> <p>B. Tích cực thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định</p> <p>C. Thực hiện các quyền mà pháp luật quy định</p> <p>D. Cả ba hoạt động trên đều là tuân thủ pháp luật</p>
12	<p>Làm rõ sử dụng pháp luật được hiểu là gì?</p> <p>A. Không làm những việc mà pháp luật cấm</p> <p>B. Thực hiện đúng các nghĩa vụ mà pháp luật quy định</p> <p>C. Thực hiện các quyền mà pháp luật cho phép</p> <p>D. Cả ba hoạt động trên đều là tuân thủ pháp luật</p>
13	<p>Xem xét tuân thủ pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật như thế nào?</p> <p>A. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.</p> <p>B. Các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hành vi mà pháp luật ngăn cấm.</p>

STT	Nội dung
	<p>C. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.</p> <p>D. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.</p>
14	<p>Xem xét thì hành pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật như thế nào?</p> <p>A. Các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực.</p> <p>B. Các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật không cấm.</p> <p>C. Các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm.</p> <p>D. Các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình do pháp luật quy định.</p>
15	<p>Sao chép từ còn thiếu vào chỗ trống: Sử dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện.....của mình do pháp luật quy định?</p> <p>A. quyền chủ thể</p> <p>B. nghĩa vụ pháp lý</p> <p>C. hành vi</p> <p>D. trách nhiệm</p>
16	<p>Chứng tỏ khẳng định nào dưới đây là đúng?</p> <p>A. Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó luôn luôn có sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>B. Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật</p> <p>C. Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước bắt buộc các chủ thể pháp luật phải thực hiện những quy định của pháp luật.</p> <p>D. Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể tự mình thực hiện những quy định của pháp luật.</p>
17	<p>Làm rõ ý thức pháp luật là gì?</p> <p>A. Là tổng thể những học thuyết, tư tưởng, tình cảm của con người</p> <p>B. Là ý thức của con người sống trong xã hội</p> <p>C. Là các học thuyết của các nhà chính trị</p> <p>D. Là tình cảm của con người với con người</p>

STT	Nội dung
18	<p>Làm rõ năng lực hành vi của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây</p> <p>A. Phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia</p> <p>B. Phụ thuộc vào truyền thống văn hóa dân tộc của từng quốc gia</p> <p>C. Phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ của chủ thể</p> <p>D. Phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của chủ thể</p>
19	<p>Chỉ ra khẳng định nào sau đây là sai?</p> <p>A. Mọi tổ chức có con dấu đều có tư cách pháp nhân</p> <p>B. Năng lực pháp luật của pháp nhân mất đi khi pháp nhân chấm dứt sự tồn tại</p> <p>C. Pháp nhân có năng lực pháp luật từ khi được thành lập hợp pháp</p> <p>D. Pháp nhân phải là tổ chức</p>
20	<p>Chứng minh quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt khi có điều kiện gì?</p> <p>A. Chỉ cần có chủ thể tham gia quan hệ và chủ thể đó có đủ năng lực chủ thể</p> <p>B. Chỉ cần có quy phạm pháp luật điều chỉnh</p> <p>C. Chỉ cần có sự kiện pháp lý</p> <p>D. Phải có đủ cả ba điều kiện trên.</p>
21	<p>Chứng minh “Năng lực chủ thể” của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu như thế nào?</p> <p>A. Chỉ cần có năng lực pháp luật là có đủ năng lực chủ thể</p> <p>B. Chỉ cần có năng lực hành vi là có đủ năng lực chủ thể</p> <p>C. Chỉ cần có năng lực pháp luật hoặc có năng lực hành vi là có đủ năng lực chủ thể</p> <p>D. Phải có đủ cả năng lực pháp luật và năng lực hành vi mới có đủ năng lực chủ thể.</p>
22	<p>Chỉ ra khẳng định nào dưới đây là Đúng?</p> <p>A. Pháp nhân có năng lực chủ thể khi được thành lập hợp pháp</p> <p>B. Pháp nhân có năng lực chủ thể khi các thành viên thỏa thuận thành lập pháp nhân</p> <p>C. Pháp nhân có năng lực chủ thể khi các thành viên đã góp đủ vốn thành lập pháp nhân</p> <p>D. Pháp nhân có năng lực chủ thể khi có đủ thành viên</p>
23	<p>Chọn điền vào chỗ trống: Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào?</p> <p>A. pháp luật của từng quốc gia</p>

STT	Nội dung
	<p>B. quan điểm đạo đức</p> <p>C. trình độ văn hóa</p> <p>D. phong tục tập quán</p>
24	<p>Suy luận cho biết quan hệ pháp luật nào sau đây là quan hệ có tính chất mệnh lệnh?</p> <p>A. Quan hệ hợp đồng trong kinh doanh, thương mại</p> <p>B. Quan hệ tặng cho tài sản</p> <p>C. Quan hệ thừa kế tài sản</p> <p>D. Quan hệ về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p>
25	<p>Phân tích khẳng định nào sau đây là Sai?</p> <p>A. Ý thức pháp luật là một hình thái ý thức xã hội</p> <p>B. Ý thức pháp luật thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội</p> <p>C. Ý thức pháp luật phản ánh tồn tại xã hội của một thời đại</p> <p>D. Ý thức pháp luật là hiện tượng mang tính xã hội</p>
26	<p>Cho quan hệ pháp luật sau: Ông Phạm Ngọc (35 tuổi, công nhân công ty X) mua của ông Trần Tình (75 tuổi, cán bộ nghỉ hưu) chiếc xe máy SH Mode trị giá 50 triệu đồng. Phân tích khách thể trong quan hệ pháp luật trên?</p> <p>A. tiền, xe máy</p> <p>B. 50 triệu đồng</p> <p>C. xe máy SH Mode</p> <p>D. quyền sử dụng xe máy SH Mode</p>
27	<p>Cho quan hệ pháp luật sau: Ông Phạm Ngọc (35 tuổi, công nhân công ty X) mua của ông Trần Tình (75 tuổi, cán bộ nghỉ hưu) chiếc xe máy SH Mode trị giá 50 triệu đồng. Phân tích và điền vào chỗ trống: trong quan hệ pháp luật trên, ông Ngọc và ông Tình có....tương xứng với nhau.</p> <p>A. lợi ích</p> <p>B. quyền và nghĩa vụ</p> <p>C. lợi ích và trách nhiệm</p> <p>D. trách nhiệm</p>

Chương 5. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

1	Chọn đáp án sai khi nói Vi phạm pháp luật là hành vi “...” A. Trái pháp luật B. Có lỗi của chủ thể C. Xâm phạm đến các quan hệ xã hội D. Xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ
2	Chỉ ra Vi phạm pháp luật có mấy đặc điểm? A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn
3	Chỉ ra yếu tố của cấu thành Vi phạm pháp luật? A. Mặt khách quan B. Mặt chủ quan C. Nội dung D. A và B
4	Viết ra Cấu thành/ cấu trúc của Vi phạm pháp luật A. Chủ thể - Khách thể - Mặt chủ thể - Mặt khách thể B. Chủ thể - Khách thể - Mặt khách quan – Mặt chủ quan C. Mặt chủ thể - Mặt khách thể - Mặt chủ quan – Mặt khách quan D. Mặt chủ thể - Mặt khách thể - Chủ quan – Khách quan
5	Chỉ ra dấu hiệu trong Mặt khách quan của Vi phạm pháp luật A. Hành vi trái pháp luật B. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội C. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm cho xã hội D. Cả a, b và c đều đúng
6	Chỉ ra yếu tố bắt buộc trong mặt chủ quan của vi phạm pháp luật A. Lỗi B. Động cơ C. Mục đích D. Nhu cầu
7	Xác định Hành vi trái pháp luật là dạng hành vi không hành động?

	<p>A. Xúi giục người khác trộm cắp tài sản</p> <p>B. Đe dọa giết người</p> <p>C. Không đóng thuế</p> <p>D. Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có</p>
8	<p>Xác định đâu là hành vi vi phạm pháp luật</p> <p>A. Tội phạm</p> <p>B. Vi phạm hành chính</p> <p>C. Vi phạm dân sự</p> <p>D. Cả a, b, c</p>
9	<p>Xác định đâu là hành vi vi phạm pháp luật</p> <p>A. Vi phạm dân sự</p> <p>B. Vi phạm hành chính</p> <p>C. Vi phạm kỷ luật</p> <p>D. Cả a, b, c</p>
10	<p>Chọn đáp án đúng để điền vào câu: Trách nhiệm pháp lý được hiểu là hậu quả “...” đối với chủ thể</p> <p>A. Bất lợi</p> <p>B. Có lợi</p> <p>C. Tốt</p> <p>D. Xấu</p>
11	<p>Xác định đâu không phải là hành vi vi phạm pháp luật</p> <p>A. Vượt đèn đỏ</p> <p>B. Gây thương tích cho người khác</p> <p>C. Đang có vợ nhưng sống như vợ chồng với người khác</p> <p>D. Đang yêu người này nhưng kết hôn với người khác</p>
12	<p>Chọn đáp án để điền vào câu: Trách nhiệm pháp lý có “...” loại</p> <p>A. Một</p> <p>B. Hai</p> <p>C. Ba</p> <p>D. Bốn</p>
13	<p>Nhận biết nếu A trộm cắp xe máy của B thì chiếc xe máy được xác định là gì trong cấu thành Vi phạm pháp luật của A?</p> <p>A. Đối tượng</p> <p>B. Khách thể</p> <p>C. Chủ thể</p> <p>D. Mặt khách quan</p>

14	<p>Lựa chọn khách thể của Vi phạm pháp luật A gây thương tích cho B là...</p> <p>A. Sức khỏe của B</p> <p>B. Tính mạng của B</p> <p>C. Quyền nhân thân của B</p> <p>D. Thương tích của B</p>
15	<p>Lựa chọn lỗi trong hành vi vi phạm pháp luật A hiếp dâm B</p> <p>A. Cố ý gián tiếp</p> <p>B. Cố ý trực tiếp</p> <p>C. Vô ý do quá tự tin</p> <p>D. Vô ý do cầu thả</p>
16	<p>Lựa chọn Vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật</p> <p>A. Vi phạm hình sự</p> <p>B. Vi phạm dân sự</p> <p>C. Vi phạm hành chính</p> <p>D. Vi phạm kỷ luật</p>
17	<p>Chọn Trách nhiệm pháp lý được áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật hành chính.</p> <p>A. Hình sự</p> <p>B. Dân sự</p> <p>C. Hành chính</p> <p>D. Kỷ luật</p>
18	<p>Chọn đáp án để điền vào câu: Trách nhiệm hình sự được “...” áp dụng đối với người có hành vi phạm tội</p> <p>A. Công an</p> <p>B. Cơ quan Nhà nước</p> <p>C. Tòa án</p> <p>D. Cá nhân có thẩm quyền</p>
19	<p>Chọn đáp án để điền vào câu: Một hành vi vi phạm pháp luật phải chịu “...” loại trách nhiệm pháp lý</p> <p>A. Một</p> <p>B. Hai</p> <p>C. Ba</p> <p>D. Bốn</p>
20	<p>Chọn trách nhiệm pháp lý cho hành vi vi phạm pháp luật hình sự</p> <p>A. Dân sự</p> <p>B. Hình sự</p> <p>C. Lao động</p> <p>D. Kỷ luật</p>

21	Lựa chọn trách nhiệm pháp lý cho hành vi vượt đèn đỏ A. Dân sự B. Hình sự C. Hành chính D. Kỷ luật
22	Lựa chọn trách nhiệm pháp lý cho hành vi Giết người A. Dân sự B. Hình sự C. Lao động D. Kỷ luật
23	Vận dụng kiến thức đã học để chọn đáp án điền tiếp câu: Cơ sở bắt buộc của trách nhiệm pháp lý là... A. Vi phạm pháp luật B. Có thiệt hại C. Lỗi cố ý D. Có vi phạm
24	Chọn đáp án để điền tiếp câu: Tương ứng với Vi phạm pháp luật hành chính là trách nhiệm ... A. Hình sự B. Dân sự C. Hành chính D. Kỷ luật
25	Lựa chọn loại trách nhiệm pháp lý cho hành vi buôn ma túy A. Hình sự B. Dân sự C. Hành chính D. Kỷ luật

CHƯƠNG 6: LUẬT HIẾN PHÁP

STT	Nội dung
1	<p>Chọn lựa đáp án điền vào chỗ trống: Ngành luật điều chỉnh các quan hệ cơ bản nhất liên quan đến việc xác định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước?</p> <p>A. Hành chính</p> <p>B. Hiến pháp</p> <p>C. Tổ chức Quốc hội</p> <p>D. Tổ chức Chính phủ</p>
2	<p>Chỉ ra Luật Hiến pháp sử dụng phương pháp điều chỉnh đặc trưng nào?</p> <p>A. Xác lập những nguyên tắc chung mang tính định hướng cho các chủ thể của Luật Hiến pháp</p> <p>B. Mệnh lệnh – thỏa thuận</p> <p>C. Thỏa thuận – bình đẳng</p> <p>D. Có sự tham gia của công đoàn</p>
3	<p>Chọn lựa đáp án điền vào chỗ trống: Bản Hiến pháp năm..... của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang có hiệu lực thi hành.</p> <p>A. 1980</p> <p>B. 1992</p> <p>C. 2013</p> <p>D. 2015</p>
4	<p>Chỉ ra Nhà nước ta đã có những bản hiến pháp nào?</p> <p>A. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 – Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992</p> <p>B. Hiến pháp 1945 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992</p> <p>C. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992 – Hiến pháp 2013</p> <p>D. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 2001.</p>
5	<p>Xác định đất đai thuộc loại hình sở hữu nào theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?</p> <p>A. Toàn dân</p>

STT	Nội dung
	<p>B. Tập thể</p> <p>C. Tư nhân</p> <p>D. Nhà nước</p>
6	<p>Chọn lựa đáp án điền vào chỗ trống: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, trong nền kinh tế Việt Nam thành phần kinh tế giữ vai trò chủ đạo.</p> <p>A. nhà nước</p> <p>B. tư bản</p> <p>C. tập thể</p> <p>D. có vốn đầu tư nước ngoài</p>
7	<p>Chỉ ra Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước gồm cơ quan nào?</p> <p>A. Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>B. Quốc hội, Chính phủ</p> <p>C. Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp</p> <p>D. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp</p>
8	<p>Chỉ ra khẳng định nào sau đây là Đúng?</p> <p>A. Trong lĩnh vực kinh tế, Hiến pháp năm 2013 điều chỉnh quan hệ xã hội liên quan đến xác định các thành phần kinh tế, các loại hình sở hữu, chính sách của nhà nước đối với các thành phần kinh tế</p> <p>B. Trong lĩnh vực kinh tế, Hiến pháp năm 2013 điều chỉnh quan hệ xã hội liên quan đến xác định địa vị pháp lý các tổ chức kinh tế của nhà nước</p> <p>C. Trong lĩnh vực kinh tế, Hiến pháp năm 2013 điều chỉnh quan hệ xã hội liên quan đến thủ tục thành lập các tổ chức kinh tế</p> <p>D. Cả ba đáp án trên đều đúng</p>
9	<p>Làm rõ cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân là tổ chức nào theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013?</p> <p>A. Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>B. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh</p> <p>C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</p> <p>D. Công đoàn Việt Nam</p>

STT	Nội dung
10	<p>Xem xét nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua cơ quan Nhà nước nào theo Hiến pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013?</p> <p>A. Chính phủ và Hội đồng nhân dân</p> <p>B. Chính phủ và Ủy ban nhân dân</p> <p>C. Quốc hội và Chính phủ</p> <p>D. Quốc hội và Hội đồng nhân dân</p>
11	<p>Làm rõ Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người như thế nào theo Hiến pháp Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013?</p> <p>A. Dân tộc Kinh</p> <p>B. Quốc tịch Việt Nam</p> <p>C. Sinh sống ở Việt Nam</p> <p>D. Sinh ra ở Việt Nam</p>
12	<p>Khái quát quyền của cá nhân, công dân theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013?</p> <p>A. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội</p> <p>B. Quyền được sống trong môi trường trong lành</p> <p>C. Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư</p> <p>D. Cả ba đáp án trên đều đúng</p>
13	<p>Làm rõ nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013?</p> <p>A. Bảo vệ Tổ quốc</p> <p>B. Tôn trọng Hiến pháp, pháp luật</p> <p>C. Đóng thuế</p> <p>D. Cả ba đáp án trên đều đúng</p>
14	<p>Chứng tỏ trong sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, nhà nước thực hiện chính sách bảo hiểm nào sau đây?</p> <p>A. xã hội toàn dân</p> <p>B. y tế toàn dân</p> <p>C. trách nhiệm dân sự toàn dân</p> <p>D. dân sự</p>

STT	Nội dung
15	<p>Chỉ ra từ còn thiếu điền vào chỗ trống: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, mọi người có quyền tự do kinh doanh những ... mà pháp luật không cấm.</p> <p>A. hoạt động B. ngành nghề C. dịch vụ D. nghề</p>
16	<p>Làm rõ hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay gồm?</p> <p>A. Đảng cộng sản Việt Nam B. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam C. Các tổ chức chính trị - xã hội khác D. Cả ba đáp án trên đều đúng</p>
17	<p>Chỉ ra từ điền vào chỗ trống: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, độ tuổi để công dân được biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân là từ đủ ... tuổi trở lên?</p> <p>A. 14 B. 16 C. 18 D. 21</p>
18	<p>Chỉ ra từ điền vào chỗ trống: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, nhà nước ta quy định độ tuổi để ứng cử làm đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là từ đủ tuổi trở lên.</p> <p>A. 18 B. 19 C. 20 D. 21</p>
19	<p>Hãy cho biết Nhà nước ta quy định công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào cơ quan nào sau đây?</p> <p>A. Chính phủ B. Quốc Hội và Hội đồng nhân dân</p>

STT	Nội dung
	<p>C. Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương</p>
20	<p>Hãy cho biết Những chức danh nào dưới đây bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội?</p> <p>A. Phó Thủ tướng Chính phủ</p> <p>B. Thủ tướng Chính phủ</p> <p>C. Bộ trưởng</p> <p>D. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>
21	<p>Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, chỉ ra khẳng định nào sau đây đúng?</p> <p>A. Học tập là quyền của công dân</p> <p>B. Học tập là nghĩa vụ của công dân</p> <p>C. Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân</p> <p>D. Học tập là nghĩa vụ của mọi cá nhân</p>
22	<p>Hãy cho biết theo Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 2013, nền kinh tế của Việt Nam hiện nay như thế nào?</p> <p>A. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung xã hội chủ nghĩa</p> <p>B. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>C. Nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</p> <p>D. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung</p>
23	<p>Hãy cho biết theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, chính sách giáo dục của Nhà nước ta quy định như thế nào?</p> <p>A. Bảo đảm xoá mù chữ, từng bước phổ cập giáo dục tiểu học</p> <p>B. Bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, từng bước phổ cập giáo dục trung học</p> <p>C. Bảo đảm phổ cập giáo dục trung học phổ thông và không thu học phí</p> <p>D. Bảo đảm phổ cập giáo dục đại học và không thu học phí</p>
24	<p>Hãy cho biết theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở những vùng, miền nào?</p> <p>A. Miền núi, hải đảo</p> <p>B. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</p> <p>C. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</p>

STT	Nội dung
	D. Cả ba đáp án trên đều đúng
25	<p>Phân tích Hiến pháp được thông qua khi nào?</p> <p>A. Một phần hai tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành</p> <p>B. Hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành</p> <p>C. Ba phần tư tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành</p> <p>D. Một trăm phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.</p>
26	<p>Suy luận và điền vào chỗ trống: Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, tài nguyên....là tài nguyên đặc biệt của quốc gia.</p> <p>A. biển</p> <p>B. rừng</p> <p>C. đất</p> <p>D. nước</p>

CHƯƠNG VII. LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

STT	NỘI DUNG
1	Đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính: A- Là những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình cơ quan hành chính thực hiện chức năng chấp hành và điều hành. B- Là những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động của nhà nước. C- Là những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước. D- Là những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình xây dựng và ổn định chế độ công tác nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước.
2	Luật hành chính điều chỉnh bằng A- Phương pháp mệnh lệnh đơn phương kết hợp với phương pháp bình đẳng thỏa thuận. B- Phương pháp mệnh lệnh đơn phương xuất phát từ quan hệ quyền uy - phục tùng C- Phương pháp cho phép và phương pháp cấm đoán D- Phương pháp thỏa thuận.
3	Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước A- Chỉ được quy định tại Hiến pháp B- Chỉ được quy định tại các văn bản luật C- Được quy định tại Hiến pháp 2013 D- Được quy định tại Hiến pháp và các văn bản luật.
4	Nghị quyết của Đảng: A- Có thể chứa đựng quy phạm pháp luật hành chính B- Có thể là nguồn của Luật Hành chính C- Không phải là nguồn của Luật hành chính D- Là nguồn của Luật hành chính
5	Quan hệ nào sau đây là quan hệ pháp luật hành chính: A. Quan hệ giữa luật sư bào chữa với thân chủ của mình B. Quan hệ giữa Bộ Tài chính với Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Tư pháp C. Quan hệ mua bán nhà đất giữa Chủ tịch UBND tỉnh A với công dân B

	D. Quan hệ giữa người lao động A và công ty B
6	Trong quan hệ pháp luật hành chính luôn có một bên chủ thể: A- Là cơ quan hành chính nhà nước B- Là công dân Việt Nam C- Là đại diện cho quyền lực nhà nước D- Là Nhà nước.
7	Quan hệ quản lý giữa Bộ Tài chính với UBND thành phố Hà Nội: A- Mỗi quan hệ giữa trung ương với địa phương B- Mỗi quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới C- Biểu hiện của nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương D- Là biểu hiện của sự phân cấp trong quản lý hành chính nhà nước
8	Thủ tục hành chính A- Là hoạt động quản lý hành chính nhà nước B- Là trình tự thực hiện quyền lập pháp C- Là trình tự thực hiện quyền tư pháp D- Là bảo đảm pháp lý đối với việc thực hiện thẩm quyền của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A- Là thủ tục tư pháp B- Là thủ tục hành chính C- Vừa là thủ tục hành chính vừa là thủ tục tố tụng D- Là thủ tục tố tụng hành chính
10	Đặc điểm cơ quan hành chính nhà nước A- Có chức năng quản lý; có hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập; được đảm bảo bởi nguồn nhân lực chủ yếu là công chức B- Được pháp luật quy định thẩm quyền C- Không thống nhất về cơ cấu tổ chức D- Luôn lệ thuộc vào cơ quan quyền lực.
11	Cơ quan nào sau đây là cơ quan hành chính nhà nước: A – Bộ chính trị B – Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. C – Bộ ngoại giao D – Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.

12	<p>Chỉ các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương:</p> <p>A- Mới tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thủ trưởng 1 người</p> <p>B- Mới tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc phụ thuộc hai chiều</p> <p>C- Mới tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thủ trưởng tập thể</p> <p>D- Mới tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thủ trưởng tập thể kết hợp người đứng đầu</p>
13	<p>Bộ máy hành pháp gồm:</p> <p>A- Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang bộ và UBND các cấp</p> <p>B- Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ, Hội đồng nhân dân và UBND các cấp</p> <p>C- Chính phủ, Bộ và các đơn vị cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>D- Chính phủ, Bộ, UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND.</p>
14	<p>Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>A- Là cơ quan hành chính có thẩm quyền cao nhất trong bộ máy hành chính</p> <p>B- Là cơ quan hành chính có thẩm quyền chuyên môn</p> <p>C- Là cơ quan hành chính có thẩm quyền chung</p> <p>D- Là cơ quan hành chính có thẩm quyền theo địa giới hành chính</p>
15	<p>Ngân hàng nhà nước Việt Nam</p> <p>A- Không phải là cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>B- Là cơ quan thuộc Chính phủ</p> <p>C- Là cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>D- Là doanh nghiệp nhà nước kinh doanh tiền tệ</p>
16	<p>Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân:</p> <p>A- Là cơ quan hành chính nhà nước</p> <p>B- Là cơ quan tham mưu cho UBND các cấp</p> <p>C- Là tổ chức hành chính địa phương</p> <p>D- Là đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan hành pháp.</p>
17	<p>Cán bộ giữ chức vụ trong các cơ quan nhà nước</p> <p>A- Được hình thành từ bầu cử</p> <p>B- Được hình thành từ thi tuyển</p> <p>C- Được hình thành từ tuyển dụng</p> <p>D- Được hình thành từ bổ nhiệm.</p>

18	<p>Việc tuyển dụng công chức</p> <p>A- Được thực hiện theo thi tuyển hoặc xét tuyển</p> <p>B- Chỉ được thực hiện theo phương thức thi tuyển</p> <p>C- Có thể bổ nhiệm trực tiếp</p> <p>D- Được thực hiện theo xét tuyển</p>
19	<p>Việc tuyển dụng viên chức</p> <p>A- Thực hiện thông qua bổ nhiệm</p> <p>B- Thực hiện thông qua thi tuyển</p> <p>C- Được thực hiện thông qua thi tuyển và ký kết hợp đồng làm việc</p> <p>D- Thực hiện thông qua xét tuyển.</p>
20	<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>A- Chỉ là cán bộ</p> <p>B- Là cán bộ</p> <p>C- Vừa là công chức vừa là cán bộ</p> <p>D- Là công chức.</p>
21	<p>Trách nhiệm kỷ luật của công chức chỉ được áp dụng</p> <p>A- Khi công chức phạm tội</p> <p>B- Khi công chức vi phạm pháp luật</p> <p>C- Khi công chức thực hiện hành vi vi phạm kỷ luật</p> <p>D- Khi công chức vi phạm dân sự.</p>
22	<p>Cán bộ, công chức phạm tội hình phạt tù thì:</p> <p>A- Bị kỷ luật cách chức</p> <p>B- Bị kỷ luật hạ bậc lương</p> <p>C- Có thể không bị kỷ luật buộc thôi việc</p> <p>D- Luôn bị kỷ luật buộc thôi việc.</p>
23	<p>Cơ sở để xử phạt hành chính là</p> <p>A- Thiệt hại xảy ra trên thực tế</p> <p>B- Tính chất, mức độ vi phạm</p> <p>C- Vi phạm hành chính</p> <p>D- Hậu quả do hành vi nguy hiểm gây ra</p>
24	<p>Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là:</p> <p>A-- Mọi công dân từ đủ 16 tuổi trở lên vi phạm hành chính</p> <p>B- Mọi công dân từ đủ 18 tuổi trở lên vi phạm hành chính.</p>

	<p>C- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính với lỗi cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên về mọi hành vi.</p> <p>D- Mọi công dân từ đủ 14 tuổi vi phạm hành chính.</p>
25	<p>Mọi quyết định hành chính:</p> <p>A. Có thể đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.</p> <p>B. Điều bị kháng cáo theo quy định của pháp luật</p> <p>C. Điều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.</p> <p>D. Không thể đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.</p>
26	<p>Người khởi kiện có thể là:</p> <p>A. Vừa khiếu nại vừa khởi kiện vụ án hành chính</p> <p>B. Tổ cáo vụ án hành chính</p> <p>C. Vừa khiếu nại vừa tố cáo</p> <p>D. Vừa khởi kiện vừa phản ánh</p>
27	<p>TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm:</p> <p>A. Tất cả khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện</p> <p>B. Một số khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện</p> <p>C. Một số khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố thuộc tỉnh</p> <p>D. Một số khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã.</p>
28	<p>Cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước có quyền:</p> <p>A. Khởi kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính theo quy định của Luật Tố tụng hành chính</p> <p>B. Kháng cáo vụ án hành chính</p> <p>C. Khởi kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính bất hợp pháp xâm hại đến lợi ích công</p> <p>D. Không có quyền khởi kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính.</p>
29	<p>Đương sự trong vụ án hành chính gồm:</p> <p>A. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan</p> <p>B. Người bị kiện và người đại diện của họ</p> <p>C. Người khởi kiện và người đại diện của họ</p> <p>D. Người khởi kiện và người bị kiện.</p>
30	<p>Vụ án hành chính được Tòa án thụ lý khi:</p> <p>A. Người khởi kiện đáp ứng đủ các điều kiện khởi kiện</p> <p>B. Không thuộc các trường hợp Tòa án trả lại đơn khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính</p> <p>C. Người khởi kiện xuất trình biên lai tạm ứng án phí.</p> <p>D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.</p>

--	--

CHƯƠNG 8. LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

STT	Nội dung
1	Chọn đối tượng điều chỉnh của Luật hình sự là quan hệ xã hội phát sinh giữa: A. Nhà nước với người vi phạm pháp luật B. Nhà nước với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội C. Nhà nước với người thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự D. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước với tổ chức phạm tội
2	Chọn phương pháp điều chỉnh của luật hình sự: A. Thỏa thuận B. Tự nguyện C. Bình đẳng D. Quyền uy
3	Liệt kê các loại tội phạm trong Luật hình sự: A. Tội ít nghiêm trọng; tội nghiêm trọng; tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng B. Tội ít nghiêm trọng; tội nghiêm trọng C. Tội ít nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng D. Tội không nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng
4	Chỉ ra hình phạt được quy định trong: A. Bộ luật dân sự B. Bộ luật hình sự C. Bộ luật Tố tụng hình sự D. Cả a, b, c đều đúng
5	Chọn cụm từ đúng để điền tiếp câu: Tội ít nghiêm trọng là tội là: A. 3 năm tù giam B. 7 năm tù giam C. 15 năm tù giam D. Tử hình
6	Xác định chủ thể của tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam là: A. Chỉ có thể là tổ chức B. Chỉ có thể là cá nhân C. Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại D. Chỉ có thể là công dân Việt Nam
7	Chọn chế tài không phải là chế tài hình sự: A. Buộc thôi việc B. Phạt tiền C. Phạt tù có thời hạn

	D. Phạt tù chung thân
8	Lấy ví dụ về hành vi vi phạm pháp luật hình sự: A. Vượt đèn đỏ B. Cướp điện thoại C. Mượn điện thoại không trả D.
9	Chỉ ra mục đích của hình phạt trong luật hình sự Việt Nam hiện nay là: A. Trừng trị người phạm tội và đấu tranh phòng chống tội phạm B. Bắt người phạm tội bồi thường thiệt hại đã gây ra C. Nhằm trừng trị người phạm tội D. Giáo dục phòng ngừa chung
10	Chọn đáp án đúng khi nói một người bị coi là có tội: A. Bị cơ quan công an bắt B. Bị cơ quan công an khởi tố, điều tra về hành vi vi phạm pháp luật C. Bị Tòa án đưa ra xét xử công khai D. Bị Tòa án xét xử và bản án kết tội có hiệu lực pháp luật
11	Xác định chủ thể của tội phạm là: A. Cá nhân B. Pháp nhân thương mại C. Công dân D. A và B
12	Xác định độ tuổi bắt đầu phải chịu trách nhiệm pháp lý hình sự: A. Từ 14 tuổi B. Từ đủ 14 tuổi C. 16 tuổi D. Đủ 16 tuổi
13	Chọn biện pháp chế tài không phải là chế tài hình sự? A. Phạt tù có thời hạn B. Phạt tù chung thân C. Phạt tiền D. Buộc thôi việc
14	Lựa chọn mức hình phạt cao nhất của của Tội phạm rất nghiêm trọng A. 15 năm tù B. 3 năm tù C. 7 năm tù

	D. Chung thân
15	Lựa chọn mức hình phạt cao nhất của của Tội phạm ít nghiêm trọng A. 3 năm tù B. 7 năm tù C. 15 năm tù D. Tử hình
16	Lựa chọn mức hình phạt cao nhất của của Tội phạm nghiêm trọng A. 3 năm tù B. 7 năm tù C. 15 năm tù D. Tử hình
17	Lựa chọn mức hình phạt cao nhất của của Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng A. 3 năm tù B. 7 năm tù C. 15 năm tù D. Tử hình
18	Lựa chọn biện pháp không phải là hình phạt A. Bồi thường thiệt hại B. Phạt tiền C. Cải tạo không giam giữ D. Phạt tù có thời hạn
19	Chọn cụm từ đúng để điền vào "...": Độ tuổi bắt đầu phải chịu trách nhiệm hình sự là... A. Đủ 14 B. Đủ 15 C. Đủ 16 D. Đủ 18
20	Người từ đủ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm: A. 15 B. 16 C. 17 D. 18
21	Xác định Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là: A. Cơ quan điều tra B. Viện kiểm sát C. Tòa án

	D. Cả A, B, C đều đúng
22	Chọn Thủ tục tố tụng giải quyết một vụ án hình sự là: A. Khởi tố – điều tra – truy tố – xét xử – thi hành án hình sự B. Điều tra – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm C. Thụ lý vụ án – điều tra – xét xử – thi hành án D. Điều tra – truy tố – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm – xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm
23	Lựa chọn Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là: A. Cơ quan điều tra – Tòa án – Cơ quan thi hành án B. Viện kiểm sát – Tòa án – Cơ quan thi hành án C. Tòa án - Viện kiểm sát – Cơ quan điều tra D. Cả A, B, C đều đúng
24	Chỉ ra đâu là cơ quan xét xử trong tố tụng hình sự: A. Viện kiểm sát nhân dân B. Quốc hội C. Tòa án nhân dân D. Chính phủ
25	Chỉ ra cơ quan công tố trước toà là: A. Tòa án B. Viện kiểm sát C. Công an D. Ủy ban nhân dân
26	Xác định Quy trình đúng khi giải quyết vụ án hình sự A. Điều tra – Xét xử- Truy tố B. Xét xử- Điều tra- Truy tố C. Điều tra- Truy tố- Xét xử D. Thi hành án- Xét xử- Truy tố
27	Chỉ ra đâu không phải là hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam: A. Án treo B. Cải tạo không giam giữ C. Tù có thời hạn D. Phạt tiền

CHƯƠNG IX. PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

STT	NỘI DUNG
1	Tham nhũng là gì? A. Là hành vi vụ lợi của bất cứ người nào khi có điều kiện. B. Là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi. C. Là hành vi vụ lợi của cán bộ, công chức, viên chức. D. Là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức.
2	Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, hành vi nào sau đây được xác định là hành vi tham nhũng? A. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi. B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi. C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi. D. Cả 3 phương án trên.
3	Biểu hiện nào sau đây bị xem là tham nhũng? A. Tiền biếu thủ công quỹ B. Tiền lương C. Ngân sách Nhà nước D. Quà làm từ thiện
4	Công dân có quyền và nghĩa vụ gì trong công tác phòng, chống tham nhũng? A. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng; B. Công dân được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; công dân có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; C. Công dân có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng; D. Tất cả các quyền và nghĩa vụ trên.
5	Đảng và Nhà nước ta coi tham nhũng là A. Nghiêm trọng. B. Nóng bỏng. C. Đặc biệt nghiêm trọng. D. Nguy cơ.

6	<p>Nguyên nhân nào khiến con người có hành vi tham nhũng?</p> <p>A. Không tự chủ, không kiểm chế được lòng tham bất chính, thiếu ý thức rèn luyện đạo đức, coi thường pháp luật.</p> <p>B. Không kiểm chế được lòng tham</p> <p>C. Quyền lực, đồng tiền là tất cả</p> <p>D. Coi thường pháp luật</p>
7	<p>Những hành vi tham nhũng có tác hại gì đối với con người?</p> <p>A. Mất hết nhân phẩm, danh dự, tương lai</p> <p>B. Mất tính nghiêm minh của pháp luật</p> <p>C. Gây ra những tiêu cực trong xã hội</p> <p>D. Mất lòng tin của nhân dân.</p>
8	<p>Hiện nay, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng là ai?</p> <p>A. Tổng Bí thư.</p> <p>B. Chủ tịch nước.</p> <p>C. Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>D. Trưởng Ban Nội chính Trung ương.</p>
9	<p>Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng những việc nào sau đây cán bộ, công chức, viên chức không được làm?</p> <p>A. Cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong khi giải quyết công việc.</p> <p>B. Thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>C. Làm tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc mình tham gia giải quyết.</p> <p>D. Cả 3 phương án trên.</p>
10	<p>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí người nào giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó?</p> <p>A. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con.</p> <p>B. Vợ hoặc chồng, bố vợ hoặc bố chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng; con, anh, chị, em ruột của mình.</p> <p>C. Vợ hoặc chồng; bố, mẹ, con ruột của mình; anh, chị, em vợ hoặc anh, chị, em chồng.</p> <p>D. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình.</p>

11	<p>Theo Luật phòng, chống tham nhũng, hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ công vụ là hành vi:</p> <p>A. Vụ lợi B. Tham ô C. Nhũng nhiễu D. Tham nhũng</p>
12	<p>Đối tượng nào có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập?</p> <p>A. Cán bộ, công chức. B. Cán bộ, viên chức; C. Cán bộ, công chức, viên chức. D. Cán bộ, công chức; sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.</p>
13	<p>Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm:</p> <p>A. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài B. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai C. Quyền sử dụng đất, nhà ở D. Tất cả đều đúng.</p>
14	<p>Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, tài sản, thu nhập phải kê khai có giá trị từ..... đồng trở lên:</p> <p>A. 30.000.000 B. 50.000.000 C. 70.000.000 D. 100.000.000</p>
15	<p>Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại nơi nào?</p> <p>A. Phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc/nơi ứng cử đại biểu.. B. Phải được công khai tại nơi cư trú của người có nghĩa vụ kê khai. C. Phải được công khai tại nơi có tài sản của người có nghĩa vụ kê khai. D. Phải được công khai ở tất cả các địa chỉ trên.</p>
16	<p>Việc tặng quà của cơ quan, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được quy định như thế nào?</p> <p>A. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được tặng quà chỉ với mức tối đa mà pháp luật cho phép;</p>

	<p>B. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn chỉ được sử dụng tài chính công, tài sản công để làm quà tặng vì mục đích từ thiện, đối ngoại và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.</p> <p>C. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được sử dụng tài chính công, tài sản công để làm quà tặng.</p> <p>D. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được sử dụng tài chính công, tài sản công để làm quà tặng.</p>
17	<p>Việc nhận quà tặng của cơ quan, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn được quy định như thế nào?</p> <p>A. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình. Trường hợp không từ chối được thì cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tổ chức quản lý, xử lý quà tặng theo quy định của pháp luật</p> <p>B. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được trực tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình trong mọi trường hợp.</p> <p>C. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình trong mọi trường hợp.</p> <p>D. Phải từ chối nhận quà tặng trong mọi trường hợp.</p>
18	<p>Theo Luật Phòng, chống tham nhũng hiện hành, trong công tác tổ chức - cán bộ phải công khai, minh bạch nội dung nào sau đây?</p> <p>A. Tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác vào cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>B. Hồ sơ cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và người lao động.</p> <p>C. Thu nhập của cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị và người lao động.</p> <p>D. Bản kiểm điểm của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị và người lao động.</p>
19	<p>Theo Luật phòng, chống tham nhũng, khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo với ai?</p> <p>A. Báo cáo ngay cho cơ quan thanh tra.</p> <p>B. Báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp người đứng đầu có liên quan thì báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp.</p> <p>C. Báo cáo ngay cho cơ quan cảnh sát điều tra.</p> <p>D. Báo cáo ngay cho lãnh đạo trực tiếp của mình.</p>

20	<p>Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, người tố cáo hành vi tham nhũng có trách nhiệm nào sau đây?</p> <p>A. Phải gửi đơn đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo, khai báo trung thực.</p> <p>B. Phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên, địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.</p> <p>C. Phải nộp lệ phí cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thụ lý đơn tố cáo;</p> <p>D. Phải nộp đơn, ghi rõ danh tính người tố cáo, khai báo trung thực, nộp lệ phí tố cáo.</p>
21	<p>Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, khi nhận được tố cáo hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải làm gì?</p> <p>A. Xem xét, xử lý theo thẩm quyền; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo khi có yêu cầu.</p> <p>B. Giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin khác theo yêu cầu của người tố cáo.</p> <p>C. Áp dụng kịp thời các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo khi có biểu hiện đe dọa, trả thù, trù dập người tố cáo hoặc khi người tố cáo yêu cầu.</p> <p>D. Cả 3 phương án trên.</p>
22	<p>Trong trường hợp nào, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý phụ trách được xem xét miễn hoặc giảm hình thức kỷ luật?</p> <p>A. Làm đơn giải trình vụ việc gửi người có thẩm quyền;</p> <p>B. Chủ động xin từ chức sau khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>C. Chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>D. Chủ động xin từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, kể cả trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>
23	<p>Trong trường hợp nào, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xem xét tăng trách nhiệm khi để xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý phụ trách?</p> <p>A. Phát hiện hành vi tham nhũng và đã áp dụng các biện pháp cần thiết ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng.</p> <p>B. Phát hiện hành vi tham nhũng và đã kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.</p> <p>C. Phát hiện hành vi tham nhũng mà không áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc không kịp thời báo cáo, xử lý tham nhũng theo quy định của pháp luật.</p> <p>D. Phát hiện hành vi tham nhũng và chỉ xử lý nội bộ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>

24	<p>Việc xử lý người có hành vi tham nhũng có chức vụ, vị trí công tác được quy định như thế nào?</p> <p>A. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, trừ người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.</p> <p>B. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác.</p> <p>C. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, trừ người đã nghỉ hưu, thôi việc.</p> <p>D. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kỳ chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu và thôi việc.</p>
25	<p>Tài sản tham nhũng được xử lý như thế nào?</p> <p>A. Tài sản tham nhũng phải bị tịch thu nếu tài sản tham nhũng thuộc sở hữu của Nhà nước;</p> <p>B. Tài sản tham nhũng phải được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp;</p> <p>C. Tài sản tham nhũng phải được tịch thu, xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.</p> <p>D. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật; thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra phải được khắc phục; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>

**CHƯƠNG 10. LUẬT DÂN SỰ, LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH,
LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ**

STT	Nội dung
1	Xác định đối tượng điều chỉnh của Luật Dân sự A. Tội phạm B. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân C. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản D. Quan hệ hôn nhân
2	Xác định đối tượng điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình A. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản C. Quan hệ tình cảm giữa nam và nữ D. Quan hệ giữa Nhà nước và công dân
3	Xác định phương pháp điều chỉnh cơ bản của Luật Dân sự A. Thỏa thuận B. Cưỡng chế C. Xử phạt D. Giáo dục
4	Chọn chủ thể của quan hệ pháp luật Luật dân sự? A. Cá nhân và pháp nhân B. Người phạm tội C. Gia đình D. Người vi phạm pháp luật hình sự
5	Chọn hệ pháp luật dân sự: A. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng B. Xử phạt vi phạm hành chính C. Cấp giấy đăng ký kết hôn D. Kỷ luật cán bộ, công chức nhà nước
6	Xác định Độ tuổi kết hôn theo quy định của luật hôn nhân - gia đình là: A. Nữ từ 18 tuổi trở lên; nam từ 20 tuổi trở lên B. Công dân từ 18 tuổi trở lên C. Nam, nữ từ 20 tuổi trở lên D. Nam từ đủ 20 tuổi; nữ từ đủ 18 tuổi
7	Xác định trường hợp nào sau đây bị cấm kết hôn. A. Có cùng dòng máu trực hệ. B. Có họ trong phạm vi ba đời C. Người mất năng lực hành vi dân sự

	D. Cả A, B, C
8	Xác định thủ tục kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân – gia đình Việt Nam là: A. Phải tổ chức tiệc cưới B. Phải đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân C. Phải đăng ký tại Tòa án D. Phải đăng ký tại Công an
9	Chọn đáp án đúng để điền tiếp câu: Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn... A. Tự nguyện B. Không bị ép buộc C. Không lừa dối D. Cả A, B, C
10	Chọn đáp án để điền tiếp câu: Không ai được ...việc kết hôn A. Cường ép B. Cản trở C. Cả A và B
11	Xác định nội dung/chế định nào do Luật Dân sự điều chỉnh A. Hợp đồng B. Tội phạm C. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân D. Nuôi dưỡng
12	Xác định cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn A. Công an B. Tòa án C. Ủy ban nhân dân D. Hội đồng nhân dân
13	Chọn chế định/ nội dung trong Luật dân sự A. Thừa kế B. Kết hôn C. Hợp đồng lao động D. Cấp dưỡng
14	Chọn trường hợp phải cấp dưỡng A. Cha, mẹ đối với con chưa thành niên B. Cha mẹ đối với con đã thành niên
15	Xác định chế định thừa kế là thuộc ngành Luật... A. Hình sự B. Dân sự C. Hôn nhân và gia đình D. Lao động
16	Xác định cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi... A. Đủ 6 tuổi B. Đủ 15 tuổi C. Đủ 18 tuổi D. Sinh ra

17	Xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự là... A. Tòa án nhân dân B. Ủy ban nhân dân C. Công an D. Viện kiểm sát
18	Xác định Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ án về... A. Tranh chấp đất đai B. Kinh doanh thương mại C. Hôn nhân gia đình D. Cả A, B, C
19	Chọn đáp án đúng để điền tiếp câu: Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ án về... A. Lao động B. Kinh doanh thương mại C. Hôn nhân gia đình D. Cả A, B, C
20	Chọn quy trình giải quyết vụ án dân sự A. Khởi kiện – Thụ lý – Hòa giải – Xét xử B. Thụ lý – Khởi kiện – Hòa giải – Xét xử C. Xét xử - Thụ lý – Hòa giải D. Hòa giải – xét xử - Thụ lý
21	Chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc xin ly hôn A. Tòa án nhân dân B. Ủy ban nhân dân C. Công an D. Viện kiểm sát
22	Chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng lao động A. Công đoàn B. Ủy ban nhân dân C. Công an D. Tòa án nhân dân
23	Lựa chọn cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp về thừa kế A. Viện kiểm sát B. Ủy ban nhân dân C. Công an D. Tòa án nhân dân
24	Phân biệt độ tuổi kết hôn của nam và nữ A. Nam đủ 20 tuổi, nữ đủ 19 tuổi B. Nam đủ 20 tuổi, nữ đủ 18 C. Nam đủ 18 tuổi, nữ đủ 20 tuổi D. Nam đủ 19 tuổi, nữ đủ 18 tuổi
25	Chọn Hợp đồng vô hiệu A. Do người tâm thần ký kết B. Do bị lừa dối khi ký kết C. Do vi phạm điều cấm của pháp luật D. Cả A, B, C

CHƯƠNG XI. LUẬT KINH DOANH VÀ LUẬT LAO ĐỘNG

STT	NỘI DUNG
1	Theo quy định của pháp luật hiện hành, Luật kinh doanh điều chỉnh: <ul style="list-style-type: none">A. Các quan hệ trong lĩnh vực thương mạiB. Các quan hệ trong lĩnh vực kinh tếC. Các quan hệ trong lĩnh vực dân sựD. Tất cả các mối quan hệ trên.
2	Có hai phương pháp điều chỉnh trong Luật kinh doanh: <ul style="list-style-type: none">A. Phương pháp mệnh lệnh và phương pháp phục tùngB. Phương pháp bình đẳng và phương pháp tự nguyệnC. Phương pháp mệnh lệnh và phương pháp bình đẳng tự nguyệnD. Cả A,B,C đều sai.
3	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp được định nghĩa như thế nào? <ul style="list-style-type: none">A. Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích lợi nhuận.B. Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có vốn, có người quản lý, thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.C. Doanh nghiệp là tổ chức được thành lập theo pháp luật về doanh nghiệp nhằm mục đích sản xuất, đầu tư, kinh doanh.D. Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.
4	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, tổ chức, cá nhân nào dưới đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam: <ul style="list-style-type: none">A. Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các doanh nghiệp;B. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;C. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh

	<p>ngành;</p> <p>D. Tất cả các phương án trên.</p>
5	<p>Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, một trong các điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:</p> <p>A. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;</p> <p>B. Doanh nghiệp phải có tên tiếng Việt và tiếng Anh;</p> <p>C. Có đơn xin cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>D. Tất cả các phương án trên.</p>
6	<p>Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp nhà nước bao gồm:</p> <p>A. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>B. Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong doanh nghiệp.</p> <p>C. Các doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam.</p> <p>D. A và C.</p>
7	<p>Doanh nghiệp tư nhân là:</p> <p>A. Doanh nghiệp do nhiều cá nhân làm chủ</p> <p>B. Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm</p> <p>C. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp do mọi người tham gia vào doanh nghiệp quyết định</p> <p>D. Loại hình doanh nghiệp duy nhất tồn tại trên thị trường.</p>
8	<p>Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, một doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp xã hội khi đáp ứng tiêu chí nào sau đây:</p> <p>A. Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>B. Huy động, nhận tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ của Việt Nam, nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý, chi phí hoạt động của doanh nghiệp;</p> <p>C. Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng;</p> <p>D. B và C</p>
9	<p>Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, công ty cổ phần có đặc điểm nào dưới đây:</p> <p>A. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần gọi là cổ phần;</p> <p>B. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;</p>

	<p>C. Cổ đông chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp;</p> <p>D. Cổ đông chỉ có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác khi được pháp luật cho phép.</p>
10	<p>Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, công ty hợp danh có đặc điểm nào dưới đây:</p> <p>A. Phải có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng kinh doanh dưới một tên chung gọi là thành viên hợp danh;</p> <p>B. Thành viên hợp danh phải là cá nhân hoặc tổ chức, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty;</p> <p>C. Công ty hợp danh được phát hành trái phiếu để huy động vốn;</p> <p>D. Tất cả các phương án trên</p>
11	<p>Vốn điều lệ là:</p> <p>A. Vốn góp của các thành viên và được ghi vào bản điều lệ của công ty.</p> <p>B. Vốn góp theo quy định của pháp luật</p> <p>C. Vốn hoạt động chính của Doanh nghiệp</p> <p>D. Vốn cố định của Doanh nghiệp.</p>
12	<p>Vốn pháp định là:</p> <p>A. Vốn góp của nhà nước vào doanh nghiệp</p> <p>B. Vốn do các thành viên góp theo quy định của pháp luật</p> <p>C. Mức vốn tối thiểu cần phải có để thành lập doanh nghiệp</p> <p>D. Cả A,B,C đều đúng.</p>
13	<p>Tòa kinh tế được thành lập tại:</p> <p>A. Tòa án nhân dân cấp quận, huyện</p> <p>B. Tòa án nhân cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>C. Những thành phố lớn</p> <p>D. Cả A, B, C đều sai.</p>
14	<p>Tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài nếu:</p> <p>A. Không được Tòa án thụ lý</p> <p>B. Nếu khi tranh chấp xảy ra có một bên bị mất tư cách pháp nhân</p> <p>C. Nếu trong hợp đồng các bên có thỏa thuận trọng tài</p> <p>D. Không câu nào đúng.</p>
15	<p>Về mức phạt vi phạm hợp đồng, các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <p>A. Tối đa là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm</p> <p>B. Tối đa 8% giá trị của hợp đồng đó</p> <p>C. Tối đa là 100% giá trị hợp đồng đó</p> <p>D. Không có câu nào đúng.</p>
16	<p>Luật lao động điều chỉnh mối quan hệ giữa:</p>

	<p>A. Người sử dụng lao động với cơ quan nhà nước</p> <p>B. Người làm công ăn lương với người sử dụng lao động</p> <p>C. Tổ chức Người lao động ở cơ sở với người sử dụng lao động.</p> <p>D. Cả A,B,C đều đúng.</p>
17	<p>Luật lao động quy định độ tuổi tối thiểu để tham gia quan hệ lao động là:</p> <p>A. Cá nhân từ 16 tuổi trở lên</p> <p>B. Cá nhân từ 15 tuổi trở lên</p> <p>C. Cá nhân từ 18 tuổi trở lên</p> <p>D. Cá nhân từ đủ 15 tuổi trở lên.</p>
18	<p>Trong các quan hệ pháp luật sau đây, quan hệ nào là quan hệ pháp luật lao động:</p> <p>A. Quan hệ về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng</p> <p>B. Quan hệ về xử phạt vi phạm hành chính</p> <p>C. Quan hệ về giải quyết tranh chấp hợp đồng lao động</p> <p>D. Quan hệ về tặng cho tài sản.</p>
19	<p>Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là:</p> <p>A. Tự nguyện</p> <p>B. Thỏa thuận</p> <p>C. Bình đẳng</p> <p>D. Cả A,B,C đều đúng.</p>
20	<p>Khi nghiên cứu về quyền của người sử dụng lao động thì khẳng định nào sau đây là sai:</p> <p>A. Được tuyển chọn người lao động, bố trí công việc theo quy định của pháp luật</p> <p>B. Được khen thưởng, xử lý người lao động vi phạm kỉ luật theo quy định của pháp luật</p> <p>C. Được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong mọi trường hợp</p> <p>D. Được cử đại diện để kí kết thỏa ước lao động tập thể.</p>
21	<p>Người lao động có nghĩa vụ:</p> <p>A. Chấp hành đúng quy định về an toàn lao động</p> <p>B. Hoàn thành những công việc được giao trong mọi trường hợp</p> <p>C. Tuân theo sự điều động của người sử dụng lao động trong mọi trường hợp</p> <p>D. Cả A,B,C đều đúng.</p>
22	<p>Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:</p> <p>A. Thực hiện đúng hợp đồng lao động</p> <p>B. Bảo đảm an toàn lao động cho người lao động</p> <p>C. Tôn trọng nhân phẩm của người lao động</p> <p>D. Cả A,B,C đều đúng</p>
23	<p>Theo quy định của Bộ Luật lao động 2019 thì có mấy loại hợp đồng lao động:</p> <p>A. Một</p> <p>B. Hai</p> <p>C. Ba</p> <p>D. Bốn.</p>
24	<p>Tiền lương là một chế định của ngành luật nào:</p>

	<p>A. Dân sự</p> <p>B. Hành chính</p> <p>C. Bảo hiểm xã hội</p> <p>D. Lao động.</p>
25	<p>Trong quan hệ lao động, tiền lương là dựa trên:</p> <p>A. Sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động phù hợp với quy định của pháp luật</p> <p>B. Sự đề nghị của người lao động</p> <p>C. Sự quyết định của người sử dụng lao động</p> <p>D. Căn cứ của pháp luật về mức lương căn bản và tối thiểu của xã hội.</p>
26	<p>Bộ Luật lao động 2019 quy định thời gian thử việc là:</p> <p>A. Không được quá 90 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao</p> <p>B. Không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao</p> <p>C. Không được quá 60 ngày đối với lao động khác</p> <p>D. Không được quá 40 ngày đối với lao động thời vụ.</p>
27	<p>Bộ luật lao động 2019 quy định đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi:</p> <p>A. Báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày</p> <p>B. Do ốm đau, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi</p> <p>C. Do tai nạn, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi</p> <p>D. Cả A,B,C đều đúng.</p>
28	<p>Luật lao động quy định tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và lợi ích phát sinh trong quan hệ lao động giữa:</p> <p>A. Người lao động với tập thể lao động</p> <p>B. Tổ chức Công đoàn với người sử dụng lao động</p> <p>C. Người lao động, tập thể lao động với người sử dụng lao động</p> <p>D. Người lao động, tập thể lao động với tổ chức Công đoàn.</p>
29	<p>Tranh chấp lao động cá nhân là:</p> <p>A. Tranh chấp giữa người lao động và người sử dụng lao động;</p> <p>B. Tranh chấp giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;</p> <p>C. Tranh chấp giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại lao động;</p> <p>D. Tất cả các tranh chấp trên đều đúng.</p>
30	<p>Tranh chấp lao động tập thể là:</p> <p>A. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa tổ chức người lao động với tổ chức người sử dụng lao động</p> <p>B. Tranh chấp lao động tập thể về quyền hoặc về lợi ích giữa một tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động..</p> <p>C. Tranh chấp lao động tập thể về quyền hoặc về lợi ích giữa một hay nhiều tổ chức</p>

	<p>đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động.</p> <p>D. Tranh chấp lao động tập thể về lợi ích giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động.</p>
--	--